

Số: /BC-UBND

Hà Quảng, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc triển khai, thực hiện Hỗ trợ phát triển chăn nuôi và thủy sản

(Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND tỉnh Cao Bằng)

Thực hiện Kế hoạch số 473-KH/HNĐT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch Giám sát việc thực hiện nội dung Điều 4. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2022. UBND huyện Hà Quảng báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐỊA PHƯƠNG

1. Điều kiện tự nhiên:

Hà Quảng là một huyện miền núi, vùng cao biên giới nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Cao Bằng, có đường biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc chiều dài 71,594km, với tổng diện tích đất tự nhiên là 81.096 ha, đất nông nghiệp 76.068,08 ha chiếm 93,8% tổng diện tích đất tự nhiên; dân số 58.087 người, gồm 5 dân tộc (Tày, Nùng, Mông, Dao, Kinh). Huyện có 21 đơn vị hành chính gồm 19 xã và 02 thị trấn. Địa hình bị chia cắt bởi các dãy núi cao dựng đứng, giao thông đi lại giữa các cụm dân cư còn gặp nhiều khó khăn.

Huyện được phân chia thành hai tiểu vùng: Vùng thấp có 11 xã và 02 thị trấn, là vùng có các thung lũng tương đối bằng phẳng, có nhiều sông suối, đất canh tác chủ yếu trồng lúa nước và cây thuốc lá. Trong đó các xã, thị trấn đều có xóm vùng cao, vùng sâu điều kiện nước sinh hoạt, nước sản xuất canh tác cũng rất khó khăn; Vùng cao gồm 8 xã (gồm 7 xã lục khu Hà Quảng cũ và xã Yên Sơn) đây là các xã đặc biệt khó khăn, không có nước sản xuất, nguồn nước sinh hoạt chủ yếu bằng nước mưa, canh tác chủ yếu trên đất nương rẫy có độ dốc lớn (trồng cây ngô, lạc, gừng... là chủ yếu).

2. Điều kiện kinh tế - xã hội:

Trong 9 tháng đầu năm 2022, việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện diễn ra trong bối cảnh có những yếu tố tích cực, thuận lợi đan xen, trong đó thuận lợi cơ bản là công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 đạt nhiều kết quả tích cực, việc kiểm soát tốt dịch bệnh đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân và doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Sản xuất nông nghiệp cơ bản đảm bảo tiến độ, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 60,22 % KH; sản lượng cây thuốc lá đạt 100,96% kế hoạch; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2021; dịch bệnh trong chăn nuôi được kiểm soát. Lĩnh vực văn hóa, giáo dục, đảm bảo an sinh xã hội được duy trì và đẩy mạnh. Thực hiện công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, chế độ chính

sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đúng quy định, kịp thời. Thực hiện các giải pháp phòng chống dịch bệnh COVID-19; thực hiện công tác tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 đảm bảo an toàn. Giữ vững an ninh quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3. Những thuận lợi, khó khăn của địa phương khi triển khai, thực hiện Điều 4. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi và thủy sản theo Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

3.1. Thuận lợi:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp của huyện luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng; sự quan tâm chỉ đạo của các sở, ngành liên quan; sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở; đặc biệt là sự nỗ lực, cố gắng của bà con nông dân trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp trên địa bàn.

- Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng được kịp thời đến từng thôn, xóm và các địa bàn khu dân cư.

- Công tác phổ biến, tuyên truyền về chính sách được thực hiện thường xuyên đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân. Công tác triển khai được thực hiện đồng bộ từ huyện đến cơ sở, tạo được sự đồng thuận, hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân.

3.2. Khó khăn:

- Đây là một Nghị quyết mới, có tính đặc thù riêng của tỉnh, do đó trong quá trình triển khai thực hiện, hướng dẫn thực hiện các sở, ngành, địa phương còn gặp lúng túng, một số vướng mắc nhất định trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

- Một số quy định, điều kiện hỗ trợ đối với một số hạng mục hỗ trợ còn cao, người dân còn khó tiếp cận để được hưởng hỗ trợ đối với một số hạng mục, nội dung hỗ trợ (Điều 4. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi và thủy sản).

- Một số thủ tục hành chính khi thực hiện hỗ trợ còn vướng mắc, đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung, rút gọn các thủ tục hành chính để được hỗ trợ, đặc biệt là các thủ tục từ người dân.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN ĐIỀU 4. HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Thực trạng của địa phương trước khi thực hiện việc Hỗ trợ mua con giống; Hỗ trợ cải tạo, nâng cao chất lượng giống trâu bò; Hỗ trợ xây dựng mới chuồng trại chăn nuôi gia súc; Hỗ trợ trồng cỏ, cây trồng làm thức ăn cho gia súc; Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản (khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 4. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi và thủy sản của Nghị quyết số 48 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

Thực hiện Điều 4. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi và thủy sản theo NQ 48 của HĐND tỉnh. Trong năm 2022 trên địa bàn huyện Hà Quảng chỉ hỗ trợ được 02 hộ: Trong đó: 01 hộ (xây mới chuồng trại), 01 hộ (hỗ trợ nuôi trồng thủy sản). Trước khi thực hiện việc hỗ trợ cho các hộ trên, địa phương cũng đã và đang hỗ trợ phát triển chăn nuôi, thủy sản theo các Chính sách của HĐND tỉnh cũng như các chương trình MTQG trên địa bàn huyện.

2. Công tác chỉ đạo triển khai, thực hiện các nội dung về: Hỗ trợ mua con giống; Hỗ trợ cải tạo, nâng cao chất lượng giống trâu bò; Hỗ trợ xây dựng mới chuồng trại chăn nuôi gia súc; Hỗ trợ trồng cỏ, cây cây trồng làm thức ăn cho gia súc; Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản.

- UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai, thực hiện các nội dung theo Điều 4 nói riêng và NQ số 48/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng nói chung.

- Rà soát, tổng hợp các hộ có nhu cầu hỗ trợ theo điều 4 của Nghị quyết.

3. Công tác tuyên truyền, triển khai Nghị quyết quyết số: 48/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng tại địa phương. Các văn bản triển khai có liên quan đến việc thực hiện các nội dung: Hỗ trợ mua con giống; Hỗ trợ cải tạo, nâng cao chất lượng giống trâu bò; Hỗ trợ xây dựng mới chuồng trại chăn nuôi gia súc; Hỗ trợ trồng cỏ, cây cây trồng làm thức ăn cho gia súc; Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản (và việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 48 của Hội đồng nhân dân tỉnh tại địa phương).

- Lòng ghép công tác tuyên truyền, triển khai Nghị quyết tại các cuộc họp của UBND huyện, các cuộc họp ở xã và thôn, xóm, tổ dân phố về chính sách hỗ trợ của Nghị quyết.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐIỀU 4. HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Kết quả triển khai và thực hiện các nguồn vốn:

- Tổng số hộ có nhu cầu, đăng ký hỗ trợ, thực hiện: 02 hộ
- Tổng số hộ đủ điều kiện được hỗ trợ: 02 hộ
- Tổng số hộ được hỗ trợ: 02 hộ

Trong đó:

+ *Hỗ trợ xây dựng mới chuồng trại chăn nuôi gia súc: 01 hộ*

+ *Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản: 01 hộ*

1.1. Hỗ trợ xây dựng mới chuồng trại chăn nuôi gia súc

a) Đối tượng hỗ trợ: Cá nhân, hộ gia đình.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí xây dựng mới chuồng trại chăn nuôi trâu bò cái sinh sản, trâu bò vỗ béo, bò sữa, lợn cái sinh sản gắn với xử lý chất thải chăn nuôi, bảo đảm vệ sinh môi trường.

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần, không quá 30 triệu đồng/chuồng nuôi. Mức hỗ trợ xây dựng chuồng trại chăn nuôi trâu bò cái sinh sản, trâu bò vỗ béo, bò sữa, lợn cái sinh sản là 02 triệu đồng/con.

d) Điều kiện được hỗ trợ:

Đối với trâu, bò cái sinh sản: Diện tích chuồng nuôi tối thiểu 5m²/con; quy mô tối thiểu 03 con.

Đối với trâu, bò nuôi vỗ béo: Diện tích chuồng nuôi tối thiểu 3m²/con; quy mô tối thiểu 05 con.

Đối với chăn nuôi bò sữa: Diện tích chuồng nuôi tối thiểu 5m²/con; quy mô tối thiểu 02 con.

Đối với lợn cái sinh sản: Diện tích chuồng nuôi tối thiểu 4 m²/con; quy mô tối thiểu 05 con.

1.1.2. Kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ chuồng trại:

TT	Nội dung hỗ trợ	Số hộ được hỗ trợ		Mức hỗ trợ (triệu đồng)	Số tiền đã hỗ trợ (triệu đồng)	Nguồn vốn hỗ trợ
		Hộ nghèo	Hộ khác			
1	Chăn nuôi lợn cái sinh sản		01	30	30	NQ 48
	Tổng cộng		01	30	30	NQ 48

1.2. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản:

1.2.1. Hỗ trợ mua giống thủy sản quý hiếm, đặc hữu của địa phương có giá trị kinh tế cao:

TT	Loại giống thủy sản	Số cơ sở được hỗ trợ	Số lượng (con)	Mức hỗ trợ (triệu đồng)	Số tiền đã hỗ trợ (triệu đồng)	Nguồn vốn hỗ trợ
1	Cá Tầm	01	1.500	50	50	NQ48
2	Tổng Cộng	01	1.500	50	50	NQ48

2. Đánh giá kết quả triển khai, thực hiện khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 4. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi và thủy sản tại địa phương năm 2021

Đánh giá kết quả triển khai, thực hiện các nội dung (các khoản) của Điều 4. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi và thủy sản theo các nội dung sau:

2.1. Ưu điểm: Chính sách hỗ trợ tại điều 4 của Nghị quyết rõ ràng, dễ hiểu, dễ tiếp cận và phù hợp với các hoojo chăn nuôi gia súc, thủy sản.

2.2. Hạn chế: Một số quy định, điều kiện hỗ trợ đối với một số hạng mục hỗ trợ còn cao, người dân còn khó tiếp cận để được hưởng hỗ trợ đối với một số hạng mục, nội dung hỗ trợ (Điều 4. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi và thủy sản).

2.3. Nguyên nhân của hạn chế.

Một số nội dung trong chính sách hỗ trợ được tham mưu, ban hành còn chung chung, có chính sách áp dụng cứng nhắc theo các văn bản quy định của cấp trên, tuy nhiên áp dụng để thực hiện tại địa bàn huyện thì không thực sự phù hợp, thiếu khả thi trong triển khai thực tế.

So sánh kết quả trước và sau khi thực hiện các nội dung của Điều 4. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi và thủy sản theo Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. Tác động hữu ích của việc thực hiện các nội dung hỗ trợ trên đối với địa phương.

Trên địa bàn huyện Hà Quảng do vừa mới hỗ trợ được cho 02 hộ theo các nội dung thực hiện hỗ trợ của Điều 4 của Nghị Quyết nên chưa đánh giá được tính hiệu quả cũng như các tác động hữu ích của nội dung hỗ trợ.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VỀ VIỆC THỰC HIỆN ĐIỀU 4. HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG, CƠ SỞ

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tăng mức hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp nông theo Nghị quyết 48/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; Việc hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết 48 cho các hộ vay để phát triển chăn nuôi, thủy sản (điều 4) tỉnh nên giao thẳng cho Ngân hàng chính sách xã hội để thuận lợi cho việc quản lý ngân sách.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Điều 4. Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng của UBND huyện Hà Quảng./.

Nơi nhận:

- Hội Nông dân tỉnh Cao Bằng;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NN (Giang, Hính, Thùy).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Triệu Đình Dũng